

**NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH VÀ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN
NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ HOÀN TOÀN TRONG 6 THÁNG ĐẦU
CỦA CÁC BÀ MẸ CÓ CON TỪ 6 – 12 THÁNG TUỔI
TẠI HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Trần Võ Huỳnh Nghĩa Nhân, Võ Huỳnh Trang*

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: nghianhan1176411@gmail.com*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Sữa mẹ là thức ăn hoàn hảo và nguồn dưỡng chất tốt nhất cho trẻ phát triển toàn diện. **Mục tiêu nghiên cứu:** 1). Xác định tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; 2). Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu của các bà mẹ có con từ 6 – 12 tháng tuổi tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 315 bà mẹ có con từ 6-12 tháng tuổi đang sinh sống tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn. **Kết quả:** Tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là 35,6%, trong đó, tỷ lệ bà mẹ cho con bú sớm trong 1 giờ đầu là 69,8%. Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức chung đúng về nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là 27,3%. Tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu có liên quan đến các yếu tố như quy mô gia đình, tình trạng hôn nhân, khó khăn trong nuôi con bằng sữa mẹ, tiếp cận thông tin và kiến thức đúng về nuôi con bằng sữa mẹ ($p < 0,05$). **Kết luận:** Một số yếu tố liên

quan tác động đến việc nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn như kiến thức, tiếp cận thông tin, quy mô gia đình, tình trạng hôn nhân và khó khăn trong việc nuôi con bằng sữa mẹ.

Từ khóa: nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn, 6 tháng đầu.

ABSTRACT

THE STUDY ON THE SITUATION AND SOME RELATED FACTORS TO EXCLUSIVE BREASTFEEDING FOR THE FIRST 6 MONTHS OF MOTHERS WHOSE CHILDREN AGED 6-12 MONTHS IN CHO MOI DISTRICT, AN GIANG PROVINCE

Tran Vo Huynh Nghia Nhan*, Vo Huynh Trang
Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Breast milk has been known as an ideal nutrition for infant development, in both physical and mental functions. **Objectives:** 1). To determine the rate of exclusive breastfeeding in the first 6 months; 2). To find out some factors related to 6-month exclusive breastfeeding of mothers with children aged 6-12 months in Cho Moi district, An Giang province. **Materials and methods:** Descriptive cross-sectional study of 315 mothers with infants from 6-12 months old in Cho Moi district, An Giang province, using multi-stage sampling method. **Results:** The rate of exclusive breastfeeding in the first 6 months was 35.6%, of which, 69.8% of mothers was breastfeeding infants in the first hour. 27.3% of mothers had appropriate general knowledge about exclusive breastfeeding in the first 6 months. There were different factors related to exclusive breastfeeding in the first 6 months, including family size, marital status, breastfeeding difficulties, informative collection, and knowledge appropriation about breastfeeding ($p < 0.05$). **Conclusions:** Related factors that could lead to the exclusively breastfeeding including family size, marital status, breastfeeding difficulties, informative collection, and breastfeeding knowledge.

Keywords: exclusive breastfeeding, the first 6 months.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sữa mẹ là thức ăn hoàn hảo và nguồn dưỡng chất tốt nhất cho trẻ phát triển toàn diện. Theo Bộ Y tế, các bà mẹ cho trẻ bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh, bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, cho trẻ bú mẹ kéo dài đến 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn [3]. Lợi ích của trẻ bú mẹ hoàn toàn sẽ giúp trẻ có thể ngăn ngừa tử vong do tiêu chảy và nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính trong 3 tháng đầu. Cho con bú đã được chứng minh là bảo vệ bà mẹ khỏi trầm cảm sau sinh, ung thư buồng trứng và ung thư vú... Ước tính cải thiện cho con bú có thể ngăn ngừa 20.000 trường hợp tử vong mẹ do ung thư vú [12]. Vì vậy, cho trẻ bú mẹ vừa mang lại lợi ích cho trẻ mà còn mang lại lợi ích không nhỏ cho cả bà mẹ.

Ở nhiều nước trên thế giới cũng như Việt Nam, tỷ lệ trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu còn khá thấp. Theo báo cáo của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) vào năm 2018, ở các nước thu nhập thấp và trung bình, chỉ 4% hoặc 1 trong 25 trẻ không bao giờ được bú sữa mẹ. Ở các nước thu nhập cao, 21% trẻ sơ sinh hoặc 1 trong 5 trẻ không bao giờ được bú sữa mẹ [12]. Theo khuyến cáo của UNICEF và WHO cần bắt đầu cho con bú trong vòng một giờ đầu sau sinh, cho con bú hoàn toàn trong 6 tháng tiếp và tiếp tục cho con bú (với bổ sung thực phẩm đầy đủ, an toàn và phù hợp với từng lứa tuổi) trong hai năm hoặc hơn [11]. Tại Việt Nam, chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030, đã đề ra chỉ tiêu gia tăng tỉ lệ trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu nhằm đạt 27% vào năm 2015 và đạt 35% vào năm 2030 [2].

Đề tài nghiên cứu tình hình và các yếu tố liên quan đến nuôi con bằng sữa mẹ hoàn

toàn trong 6 tháng đầu của các bà mẹ có con từ 6 – 12 tháng tuổi tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với 2 mục tiêu sau:

1. Xác định tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
2. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn chọn mẫu: bà mẹ và trẻ từ 6 – 12 tháng tuổi có hộ khẩu thường trú tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Tiêu chuẩn loại trừ: Các bà mẹ bị nhiễm HIV/AIDS, lao phổi nặng, đang điều trị thuốc chống ung thư, thuốc điều trị động kinh, tâm thần, gây nghiện [1]; các bà mẹ không trực tiếp nuôi con; các bà mẹ có con bị tật hờ hàm ếch; các bà mẹ không thể trả lời phỏng vấn...

Thời gian nghiên cứu: thực hiện từ tháng 5/2020 đến tháng 11/2020.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

Cỡ mẫu: áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỉ lệ với độ tin cậy 95%, sai số cho phép là 7%, p là tỉ lệ nuôi con bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu. Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Kim Nhung năm 2013 tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, tỉ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là 43,63%, nên chọn $p=0,44$ [8]. Với hệ số thiết kế là 1,5 và trừ hao 5% do mất mẫu, cỡ mẫu nghiên cứu làm tròn là 315 bà mẹ.

Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu nhiều giai đoạn. Giai đoạn 1 chọn ngẫu nhiên 4 xã và 1 thị trấn. Giai đoạn 2 chọn ngẫu nhiên 3 ấp. Giai đoạn 3 chọn ngẫu nhiên 21 bà mẹ trên mỗi ấp.

Nội dung nghiên cứu bao gồm: thông tin chung của bà mẹ và trẻ, tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn, kiến thức đúng và kiến thức chung đúng về nuôi con bằng sữa mẹ và tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn như: thời gian đi làm, trình độ học vấn, khó khăn trong việc nuôi trẻ, yếu tố gia đình...

Phương pháp thu thập số liệu: phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu.

Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 và phần mềm Microsoft Excel 2013.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=315)

Nội dung		Tần số	(%)	Nội dung		Tần số	(%)
Nhóm tuổi	< 21 tuổi	22	7,0	Dân tộc	Kinh	305	96,8
	21 – 35 tuổi	256	81,3		Khác	10	3,2
	> 35 tuổi	37	11,7	Kinh tế gia đình	Nghèo	19	6,0
Trình độ học vấn	Mù chữ	15	4,8		Không nghèo	296	94,0
	Tiểu học	81	25,7	Nghề nghiệp	Lao động chân tay	258	81,9
	THCS	113	35,9		Lao động trí óc	40	12,7
	THPT	72	22,9		Mất khả năng lao động/thất nghiệp	17	5,4
	Trên THPT	34	10,8				

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 37/2021

Nội dung		Tần số	(%)	Nội dung		Tần số	(%)
Giới tính	Trai	173	54,9	CN lúc sinh	Nhẹ cân	28	8,9
	Gái	142	45,1		Đủ cân	287	91,1
Tuổi thai	Đủ tháng	260	82,5	Bệnh trẻ lúc sinh	Có	4	1,3
	Thiếu tháng	55	17,5		Không	311	98,7

Nhận xét: Qua nghiên cứu cho thấy 81,3% bà mẹ có độ tuổi từ 21 – 35 tuổi, phần lớn có trình độ học vấn THCS là 35,9%. Hầu hết các bà mẹ có công việc lao động chân tay là chủ yếu chiếm 81,9% và có kinh tế gia đình không nghèo chiếm 94%. Đối với trẻ cho thấy có 54,9% là bé trai, 91,1% các bé có cân nặng từ 2500g trở lên, 82,5% trẻ sinh ra đủ tháng tuổi và 98,7% trẻ không có bệnh lúc sinh.

Bảng 2. Kiến thức của bà mẹ về việc nuôi con bằng sữa mẹ

Đặc điểm		Đúng	Chưa đúng
		n (%)	n (%)
Loại sữa tốt nhất cho trẻ		289 (94,6)	17 (5,4)
Thời gian tốt cho trẻ bú sau sinh		178 (56,5)	137 (43,5)
Biết NCBSM hoàn toàn		221 (70,2)	94 (29,8)
Biết thời gian cần NCBSM hoàn toàn		159 (50,5)	156 (49,5)
Biết số lần cho trẻ bú trong ngày		154 (48,9)	161 (51,1)
Lợi ích của NCBSM	Tiết kiệm chi phí, thời gian	42 (13,3)	273 (86,7)
	Bảo vệ sức khỏe mẹ	124 (39,4)	191 (60,6)
	Giúp trẻ chóng lớn, phát triển đầy đủ trí tuệ, thể lực	223 (70,8)	92 (29,2)
	Gắn bó tình cảm mẹ con	53 (16,8)	262 (83,2)
Phương pháp có nhiều sữa	Ăn uống đầy đủ	280 (88,9)	35 (11,1)
	Mẹ ngủ đủ giấc, vui vẻ tránh lo âu	86 (27,3)	229 (72,7)
	Hạn chế dùng thuốc	54 (17,1)	261 (82,9)
Kiến thức chung đúng về NCBSM		86 (27,3)	229 (72,7)

Nhận xét: Qua khảo sát kiến thức 315 bà mẹ thấy có 94,6% bà mẹ biết sữa mẹ là sữa tốt nhất cho bé, 70,2% bà mẹ biết cách nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn và có 48,9% bà mẹ biết số lần cho trẻ bú trong ngày. Hiểu biết của bà mẹ về lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ có 70,8% bà mẹ biết giúp trẻ chóng lớn, phát triển đầy đủ trí tuệ, thể lực và có 88,9% bà mẹ biết phương pháp có nhiều sữa mẹ ăn uống đầy đủ. Kiến thức chung đúng về nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn thấy có 27,3% bà mẹ có kiến thức chung đúng.

3.2. Tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn

Bảng 3. Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu (n=315)

Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ	
NCBSM hoàn toàn trong 6 tháng đầu	Có	112	35,6
	Không	203	64,4
Cho trẻ bú sớm ngay sau sinh	Trong 1 giờ	220	69,8
	Sau 1 giờ	95	30,2

Nhận xét: Có 35,6% bà mẹ NCBSM hoàn toàn trong 6 tháng đầu và 69,8% cho trẻ bú sớm ngay sau sinh.

3.3. Mối liên quan giữa nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn và các yếu tố nguy cơ

Bảng 4. Mối liên quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến nuôi con bằng sữa mẹ (n=315)

Đặc điểm	NCBSM hoàn toàn		Phân tích đơn biến		Hồi qui đa biến	
	Có n (%)	Không n (%)	OR (KTC 95%)	P	OR (KTC 95%)	P
Quy mô gia đình						
GD truyền thống	89 (40,1)	133 (59,9)	-	-	-	-
GD hạt nhân	23 (24,7)	70 (75,3)	2,04 (1,18-3,50)	0,09	2,35 (1,16-4,74)	0,017
Tình trạng hôn nhân						
Sống cùng chồng	110 (37)	187 (63)	-	-	-	-
Không sống cùng chồng	2 (11,1)	16 (88,9)	4,71 (1,1-20,9)	0,039	5,37 (1,1-26,95)	0,041
Khó khăn trong NCBSM hoàn toàn						
Không	95 (58,6)	67 (41,4)	-	-	-	-
Có	17 (11,1)	136 (88,9)	11,34 (6,3-20,5)	<0,001	16,9 (8,36-34,2)	<0,001
Tiếp cận thông tin						
Có	109(38,5)	174 (61,5)	-	-	-	-
Không	3 (9,4)	29 (90,6)	6,06 (1,8-20,36)	0,001	4,26 (1,08-16,8)	0,038
Kiến thức chung đúng						
Đúng	43 (50)	43 (50)	-	-	-	-
Chưa đúng	69 (30,1)	160 (69,9)	2,32 (1,40-3,86)	0,001	3,6 (1,68-7,70)	0,001

Nhận xét: Mô hình phân tích đa biến cho thấy có 5 yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê với nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu với OR từ lớn đến nhỏ là khó khăn trong nuôi con bằng sữa mẹ (OR=16,9), sống cùng chồng (OR=5,37), tiếp cận thông tin (OR=4,26), kiến thức chung đúng (OR=3,6) và gia đình truyền thống (OR=2,35).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu

Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận trên 315 bà mẹ tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang có 35,6% bà mẹ nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu đời của trẻ. Kết quả của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu của Văn Hiền Tài năm 2013 tại huyện Phú Tân, tỉnh An Giang với tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là 25,3% và nghiên cứu của Phạm Văn Hưng năm 2018 tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận ở các bà mẹ dân tộc Chăm có tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là 26,8% [7], [10]. Có thể lý giải sự khác biệt này là do nghiên cứu của chúng tôi tiến hành mang tính cập nhật hơn. Xu hướng cải thiện về dinh dưỡng cho trẻ nên công tác truyền thông về hướng dẫn nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ ngày càng đầy mạnh, cộng tác viên dinh dưỡng theo dõi và tư vấn cho thai phụ ngày càng chặt chẽ hơn. Bên cạnh đó, người dân tộc Chăm họ có

trình độ học vấn và kiến thức thấp về lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ nên một phần ảnh hưởng đến tỷ lệ này [7].

Về tỷ lệ bà mẹ cho trẻ bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh trong nghiên cứu của chúng tôi chiếm 69,8% và có 30,2% bà mẹ cho trẻ bú sau 1 giờ đầu đời của trẻ. Kết quả của chúng tôi tương đồng với các nghiên cứu của Văn Hiền Tài năm 2013 với tỷ lệ trẻ bú sớm trong 1 giờ đầu là 75,7% [10], nghiên cứu của Ka Hoạ năm 2017 tại xã Đinh Lạc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng với tỷ lệ là 73% [6], và tương đồng với báo cáo của Niên giám thống kê năm 2018 cho thấy tỷ lệ bà mẹ cho trẻ bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh trên toàn quốc là 75% và tại tỉnh An Giang là 71,4% [4]. Kết quả này khá phù hợp vì trong những năm gần đây Bộ Y tế đã nỗ lực nhằm cải thiện tình hình trẻ được bú sữa mẹ trong 1 giờ đầu sau sinh bao gồm ban hành và thực hiện Hướng dẫn Quốc gia về chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ. Bên cạnh đó, các nhân viên y tế ở tất cả các tỉnh thành đã được tập huấn và các hoạt động giám sát được tiến hành nhằm đảm bảo việc thực hiện đầy đủ theo quy định của hướng dẫn.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy gia đình truyền thống có tỷ lệ cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu cao hơn so với gia đình hạt nhân với tỷ số chênh là 2,35 và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Kết quả của chúng tôi tương đồng với các nghiên cứu của Trương Thị Phương Duyên năm 2017 tại huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên cũng cho thấy gia đình truyền thống có tỷ lệ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu cao hơn gia đình hạt nhân, nghiên cứu của Văn Hiền Tài năm 2013 cũng cho thấy các bà mẹ sống trong gia đình truyền thống có tỷ lệ NCBSM hoàn toàn cao hơn các bà mẹ sống trong gia đình hạt nhân với tỷ số chênh là 2,46 [5], [10]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thì trái ngược với tác giả Cil Srun năm 2018 tại xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng thì cho thấy gia đình hạt nhân có tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn cao hơn so với gia đình truyền thống [9]. Có thể lý giải, khi bà mẹ sống trong gia đình truyền thống sẽ được cha/mẹ hướng dẫn bà mẹ sử dụng các thực phẩm giúp bà mẹ có nhiều sữa, bên cạnh đó thì cha/mẹ hoặc anh/chị sẽ giúp đỡ bà mẹ chăm sóc trẻ và khuyến khích bà mẹ cho trẻ bú sữa mẹ thay vì dùng sữa công thức. Do đó, kết quả nghiên cứu của chúng tôi là phù hợp.

Kết quả nghiên cứu về tình trạng hôn nhân của bà mẹ có ảnh hưởng đến việc nuôi con bằng sữa mẹ. Qua nghiên cứu cho thấy những bà mẹ sống cùng chồng có tỷ lệ cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu cao hơn nhóm bà mẹ không sống cùng chồng với tỷ số chênh là 5,37. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Cil Srun năm 2018 tại xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng thì cho thấy tỷ lệ bà mẹ sống cùng chồng có tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ thấp hơn những bà mẹ không sống cùng chồng với tỷ số chênh là 0,54, và sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê [9]. Thật vậy, những bà mẹ sống cùng chồng sẽ được san sẻ công việc trong gia đình cũng như giúp bà mẹ chăm sóc trẻ. Khi đó, bà mẹ không bị stress sau khi sinh, mà stress là một yếu tố ảnh hưởng đến đủ hay thiếu sữa cho trẻ.

Về khó khăn trong việc nuôi con bằng sữa mẹ cho thấy, những bà mẹ không gặp khó khăn có tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu cao hơn những bà mẹ gặp khó khăn với tỷ số chênh là 16,9. Nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Trương Thị Phương Duyên năm 2017 tại huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên cũng cho thấy những bà mẹ có khó khăn sẽ có tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu thấp hơn những bà mẹ không gặp khó khăn với tỷ số chênh là 0,5, nghiên cứu của Cil Srun năm 2018 cho thấy tỷ lệ bà mẹ gặp khó khăn thì cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn thấp hơn bà mẹ

không gặp khó khăn với tỷ số chênh là 0,17 và của tác giả Ka Hoạ năm 2017 cũng cho kết quả tương tự [5], [6], [9]. Các nghiên cứu này cũng đều tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Trong các khó khăn của bà mẹ khi nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn thì không đủ sữa cho con bú chiếm tỷ lệ cao nhất, kể đến là việc bà mẹ phải đi làm sớm. Thật vậy, hiện nay do ảnh hưởng của nhiều yếu tố như thực phẩm, stress, thiếu kiến thức và kinh nghiệm... sẽ ảnh hưởng đến lượng sữa của bà mẹ tiết ra so với nhu cầu của trẻ. Bên cạnh đó, phần lớn các bà mẹ chủ yếu là lao động chân tay nên họ cần phải đi làm sớm để trang trải cuộc sống, đó cũng là một trong những lý do mà trẻ phải uống sữa ngoài và ăn dặm. Như vậy, muốn nâng cao tỷ lệ bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu phải thực hiện nhiều giải pháp nhằm giải quyết khó khăn mà các bà mẹ gặp phải.

Những bà mẹ có kiến thức đúng và có tiếp cận thông tin về việc nuôi con bằng sữa mẹ thì có tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ con hơn những bà mẹ có kiến thức chưa đúng và không có tiếp cận thông tin với tỷ số chênh lần lượt là 3,6 và 4,26. Kết quả này thì tương đồng với kết quả nghiên cứu của các tác giả Văn Hiến Tài, Ka Hoạ và Trương Thị Phương Duyên [5], [6], [10]. Vì vậy, truyền thông nâng cao kiến thức cho bà mẹ là rất cần thiết, đây là một chiến lược quan trọng nhằm cải thiện tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trên địa bàn tỉnh An Giang.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong nghiên cứu là 35,6%.

Một số yếu tố liên quan đến việc nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu là: khó khăn trong nuôi con bằng sữa mẹ (OR=16,9), sống cùng chồng (OR=5,37), tiếp cận thông tin (OR=4,26), kiến thức chung đúng (OR=3,6) và gia đình truyền thống (OR=2,35).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn An & Nguyễn Thị Anh Phương (2008), *Điều dưỡng nhi khoa - Sách đào tạo cử nhân điều dưỡng*, NXB Y học, Trang 109-117.
2. Bộ Y tế & Viện dinh dưỡng (2012), *Quyết định phê duyệt chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030*, Số 226/QĐ-TTg, Ngày 22/2/2012.
3. Bộ Y tế (2016), *Thông tư quy định một số biện pháp thúc đẩy việc nuôi con bằng sữa mẹ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*, Số 38/2016/TT-BYT, ngày 31/10/2016.
4. Bộ Y tế (2018), *Niên giám thống kê y tế*, ngày 21/8/2020.
5. Trương Thị Phương Duyên (2017), *Tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và các yếu tố liên quan ở bà mẹ có con từ 6 tháng đến dưới 1 tuổi tại huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên*, Khóa luận tốt nghiệp Bác sĩ Y học dự phòng, Đại học Y dược TP.HCM.
6. Ka Hoạ (2017), *Tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu ở người Kơ-Ho và các yếu tố liên quan tại xã Đinh Lạc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân y tế công cộng, Đại học Y dược TP.HCM.
7. Phạm Văn Hưng (2018), *Tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và các yếu tố liên quan ở bà mẹ dân tộc Chăm tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận năm 2018*, Khóa luận tốt nghiệp bác sĩ Y học dự phòng, Trường ĐHYD TP.HCM.
8. Nguyễn Kim Nhung (2013), *Nghiên cứu tình hình nuôi con bằng sữa mẹ 6 tháng đầu của các bà mẹ có con từ 7-12 tháng tuổi và các yếu tố liên quan tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu*, Luận văn chuyên khoa cấp II, Trường Đại học Y dược Cần Thơ.
9. Cìl SRun (2018), *Tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu và các yếu tố liên quan ở bà mẹ có con dưới 2 tuổi tại xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng*, Khóa luận tốt nghiệp bác sĩ Y học dự phòng, Trường ĐHYD TP.HCM.

10. Văn Hiền Tài (2012), *Nghiên cứu tình hình nuôi con bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu của các bà mẹ có con từ 6 - 24 tháng tuổi và một số yếu tố liên quan tại huyện Phú Tân, tỉnh An Giang*, Luận văn chuyên khoa cấp I, Trường Đại học Y dược Cần Thơ.
11. Unicef (2016), *Breastfeeding and family-friendly policies*, Fielding School of Public Health, University of California.
12. Unicef (2018), *Breastfeeding: A mother's gift, for every child*, Nutrition Section, Programme Division.

(Ngày nhận bài: 04/4/2021 – Ngày duyệt đăng: 07/6/2021)
